Phụ lục số 25

Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

*(ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Bán niên năm 2021

1. Thông tin về quỹ

a) Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH (DCIP)

*tiền thân là* *QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM (VFMVFC)*

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu chính của Quỹ DCIP là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ DCIP đồng thời hướng tới việc đáp ứng nhu cầu của người đầu tư có nhu cầu đầu tư trong khoảng thời gian tới 12 tháng.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): không có

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020 | | 1,220,904,02 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ | | 22,533,769.57 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ | | (1,022,400.00) | ccq |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2021 | | 22,732,273.59 | ccq |
|  |

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020- Lần 2 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng thu nhập cố định (tên cũ: Quỹ Đầu tư Định hướng Bảo toàn vốn Việt Nam) ngày 26/04/2021 (chi tiết theo file đính kèm).



h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 Lần 2 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng thu nhập cố định (tên cũ: Quỹ Đầu tư Định hướng Bảo toàn vốn Việt Nam) ngày 26/04/2020 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2020, ngân sách, kế hoạch hoạt động năm 2021, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật…(chi tiết theo file đính kèm)



i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

Chi tiết xin xem tại mục 4. Báo cáo hoạt động của ngân hàng giám sát

1. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ
2. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) *(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | 30/06/2021 | | 30/06/2020 | | 30/06/2019 | |
| 1 | Cổ phiếu | 1,496,000 | 0.00% | 24,729,750 | 0.04% | 515,500,000 | 0.84% |
| 2 | Trái phiếu | 63,014,427,697 | 29.67% | 6,156,656,301 | 13.96% | - | 0.00% |
| 3 | Chứng chỉ tiền gửi | 83,321,979,450 | 39.23% | 7,951,541,097 | 18.02% | 55,994,452,055 | 90.77% |
| 4 | Tiền gửi ngân hàng | 65,500,000,000 | 30.84% | 11,000,000,000 | 24.92% | 2,500,000,000 | 4.05% |
| 5 | Tiền & Tài sản khác | 558,396,910 | 0.26% | 19,003,283,325 | 43.06% | 2,674,516,409 | 4.34% |
|  | Tổng cộng | 212,396,300,057 | 100% | 44,136,210,473 | 100% | 61,684,468,464 | 100% |

* Phân bổ tài sản theo ngành:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngành | 30/06/2021 | 30/06/2020 | 30/06/2019 |
| 1 | Ngân Hàng | 18.95% | 0.013% | 0% |
| 2 | Bất Động Sản | 24.96% | 7.00% | 0% |
| 3 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng | 4.74% | 0.02% | 0% |
| 6 | Vận Tải | 0% | 0% | 0.4% |
| 9 | Vật Liệu | 0% | 7.15% | 0% |
| 11 | Dịch Vụ Tài Chính & Tài chính tiêu dùng | 39.16% | 17.50% | 93.1% |
| 12 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 12.19% | 68.29% | 6.0% |
| 18 | Thiết Bị & Phần Cứng Công Nghệ | 0% | 0.014% | 0.5% |
| 19 | Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng | 0% | 0.013% | 0% |
|  | Tổng | 100% | 100% | 100% |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chi tiêu | 6/30/2021 | 6/30/2020 | 6/30/2019 |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 212,147,745,088 | 43,920,664,612 | 60,112,740,613 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 22,732,273.59 | 4,572,808.43 | 5,943,376.54 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 9,332.44 | 9,604.74 | 10,114.24 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 9,664.14 | 10,487.49 | 10,114.24 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 9,283.89 | 9,553.65 | 9,987.93 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -3.53% | -6.93% | 0.00% |
| 2.9. 1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -3.83% | 2.44% | 0.00% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 0.30% | -9.37% | 0.00% |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 3.31% | 3.42% | 2.92% |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 247.19% | 75.26% | 196.96% |

* Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Số liệu |
| 1 | Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) | (11,072,558) |
| 2 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi) | 1,577,553,980 |
| 3 | Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu | 27,482,643 |
| 4 | Tổng chi phí | (946,301,744) |
| 5 | Lợi nhuận khác | - |
| 6 | Chi phí khác | - |
|  | Tổng lợi nhuận của quỹ | 647,662,321 |

* Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; thời điểm phân chia lợi nhuận; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

|  |  |
| --- | --- |
| Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định: | |
| (i)trong thời hạn 12 tháng (1 năm) | 728,905,083 |
| (ii)trong thời hạn 36 tháng (3 năm) (\*) | (618,564,496) |
| (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm) (\*) | (618,564,496) |

(\*) Quỹ thành lập từ 03/04/2019

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

* Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;
* Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

1. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được các mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *không áp dụng cho báo cáo bán niên*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: *Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư như đã được công bố trong Bản cáo bạch*

Vào ngày 26/4/2021, Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính lần 2 đã quyết định chuyển mục tiêu và chiến lược đầu tư từ danh mục đầu tư đa dạng sang danh mục đầu tư có tính bảo toàn cao, tập trung vào các công cụ chứng khoán nợ. Chiến lược đầu tư của Quỹ dựa trên cơ sở phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích cơ bản về doanh nghiệp và áp dụng chiến lược phòng vệ rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn và gia tăng lợi nhuận cho danh mục. Quỹ DCIP sẽ phân bổ vào các loại tài sản bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, cổ phiếu niêm yết và chuẩn bị niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết và chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam cùng các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Về cơ cấu tài sản theo ngành (theo phân loại của GICS bậc 2), nhìn chung danh mục đầu tư của quỹ năm nay có sự tập trung vào 3 ngành nghề chính là dịch vụ tài chính, bất động sản và ngân hàng. Quỹ nắm giữ 12.19% tiền mặt và tiền gửi dưới 3 tháng. So với cùng kỳ năng trước, tại thời điểm báo cáo, quỹ đã dịch chuyển phân bổ đầu tư sang các công cụ nợ với tỷ suất khá cân bằng giữa ba loại tài sản chính là trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Trong giai đoạn 30/06/2020– 30/06/2021, NAV/ccq của DCIP giảm 2.84%, từ 9.604đ/CCQ sang 9.332đ/CCQ. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới kết quả hoạt động của Quỹ. Thứ nhất, do đại dịch Covid-19 bùng phát ảnh hưởng sâu sắc tới mọi lĩnh vực đời sống kinh tế nói chung, cũng như thị trường chứng khoán nói riêng. Danh mục đầu tư cổ phiếu của DCIP giảm mạnh mặc dù trước đó đã đạt được lợi suất rất tốt trong hai tháng đầu năm. Trong bối cảnh giá trị tài sản ròng suy giảm, nhà đầu tư của Quỹ đã thực hiện rút vốn mạnh dẫn tới việc Quỹ phải phân bổ lại danh mục tài sản, nâng tỷ trọng trái phiếu, tiền gửi và tiền mặt lên mức cao nhất nhằm mục tiêu đảm bảo thanh khoản cho nhà đầu tư. Đây là nguyên nhân thứ hai khiến cho Quỹ không thể giải ngân lại vào cổ phiếu giai đoạn thị trường chứng khoán phục hồi nửa sau 2020. Nguyên nhân thứ ba là do yếu tố nội tại của Quỹ. Với đặc điểm là Quỹ mới thành lập, quy mô còn nhỏ và khó khăn trong việc tăng vốn do ảnh hưởng từ đại dịch, dẫn tới tổng các chi phí hoạt động luôn ở mức cao lên tới hơn 4%, làm suy giảm lợi nhuận của Quỹ. Nguyên nhân thứ tư là việc chuyển đổi chiến lược đầu tư của quỹ từ nhiều loại tài sản bao gồm cả cổ phiếu lẫn trái phiếu sang chỉ chuyên về trái phiếu và các công cụ nợ, điều này khiến quỹ chỉ tập trung vào việc thoái các khoản đầu tư cổ phiếu trong quý 2/2021.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ được phép đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: *không áp dụng cho báo cáo bán niên*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ(nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

m) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có).

1. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ đầu tư Trái phiếu gia tăng thu nhập cố định DC (tiền thân là “Quỹ Đầu Tư Định Hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam”) (“DCIP” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điểm a, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thường niên thông qua có hiệu lực từ tháng 04 năm 2020 quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Theo Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành; tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.’’ Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vẫn tiếp tục phát sinh sai lệch so với quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Theo Điểm g, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian sớm nhất.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng giá trị các khoản phải trả của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định trên.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm g, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Theo Khoản 14, Điều 2, Thông tư 98 và Mục 2, Điều lệ Quỹ quy định: “Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian sớm nhất.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Khoản 14, Điều 2, Thông tư 98 và Mục 2, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã thực hiện:

• Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 22.533.769,57 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 225.337.695.700 đồng.

• Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 1.022.400,00 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 10.224.000.000 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

f) Các thông tin khác

Theo Khoản 11, Điều 20, Thông tư 98 quy định: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục.”

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã giảm xuống thấp hơn 30 tỷ đồng. Ngày 08 tháng 09 năm 2020, Công ty Quản Lý Quỹ đã gửi Công văn số 203/VFM-2020 tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về tình trạng giá trị tài sản ròng của Quỹ và đề xuất phương án khắc phục theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền (nếu có)

Công ty quản lý quỹ phải lập váo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ :

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ tiêu | Tỷ lệ |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng so với lợi nhuận (lỗ) | 10.19% |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ so với lợi nhuận (lỗ) | 34.52% |

1. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có
2. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Số liệu |
| 1 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 66,000,000 |
| 2 | Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 223,575,000 |
|  | Tổng cộng | 289,575,000 |

1. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm hoạ.. của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư  Nguyễn Minh Đăng Khánh |